

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/4/2026

V/v “Ly hôn giữa bà S và ông H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị S, sinh năm 1972.

Số Căn cước công dân: A

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969.

Số Căn cước công dân: B

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà S yêu cầu giải quyết vắng mặt, Ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2026, Bản tự khai, Đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Bà S và ông H sống chung vào năm 1986 do tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn. Bà và ông H đã ly thân từ năm

2020 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 21/8/1987, Phạm Thị Mỹ T sinh ngày 05/01/1990 và Phạm Thanh P sinh ngày 06/6/1994. Con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vì lý do công việc, bà không thể có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà, cam kết không khiếu nại về sau.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Phạm Văn H tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Phạm Văn H không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông H cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đinh Thị S khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn H, quan hệ tranh chấp giữa bà Đinh Thị S và ông Phạm Văn H là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông H đang cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn bà Đinh Thị S có Đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn có tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đinh Thị S và ông Phạm Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà S và ông H tự nguyện sống chung vào năm 1986, tuy không đăng ký kết hôn nhưng do ông bà chung sống trước ngày 03/01/1987 nên là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà S, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hàn gắn. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H. Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà S và ông H nhưng ông H vẫn có tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà S. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn

vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

[2.2] Về con chung: bà S và ông H có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 21/8/1987, Phạm Thị Mỹ T sinh ngày 05/01/1990 và Phạm Thanh P sinh ngày 06/6/1994. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà S và ông H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Đinh Thị S và ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: con chung tên Phạm Thị Mỹ L sinh ngày 21/8/1987, Phạm Thị Mỹ T sinh ngày 05/01/1990 và Phạm Thanh P sinh ngày 06/6/1994 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: bà S và ông H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003264 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương